

Phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học ở Việt Nam

Kiều Quỳnh Anh *

Tóm tắt: Ở Việt Nam, phụ nữ là lực lượng quan trọng trong công tác nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên vai trò của phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học còn gặp nhiều khó khăn như: sự phân biệt nam nữ trong nghiên cứu khoa học, phụ nữ thiếu thời gian tham gia nghiên cứu khoa học và ít được động viên, khuyến khích theo đuổi một số lĩnh vực, nhất là khoa học tự nhiên. Để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học cần phải: tăng cường đầu tư cho giáo dục; sử dụng lao động nữ hợp lý; chính sách xã hội phải phản ánh được lợi ích và nguyện vọng của phụ nữ; phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; bản thân người phụ nữ phải có sự cố gắng, niềm đam mê và nghị lực; gia đình, đồng nghiệp và xã hội phải tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học; giải quyết tốt mối quan hệ nội bộ gia đình; bình đẳng giới trong nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Phụ nữ; nghiên cứu khoa học; Việt Nam.

1. Mở đầu

Phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học là nguồn lực to lớn và quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học ở Việt Nam hiện nay được Đảng và Nhà nước đặt biệt quan tâm. Ngày càng có nhiều phụ nữ thành công trên lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học cũng gặp nhiều khó khăn, số cán bộ nữ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học còn ít so với số lượng cán bộ khoa học nữ. Bài viết phân tích thực trạng phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, những khó khăn của phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học và các giải pháp để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học ở Việt Nam hiện nay.

2. Thực trạng phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học

2.1. Nhân lực nữ nghiên cứu khoa học

“Thế giới cần đến khoa học, khoa học cần đến phụ nữ” là thông điệp được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) của Liên Hợp Quốc đưa ra trong chương trình “Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học” tổ chức tháng 11 năm 2015 tại Hà Nội. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương chính sách để đạt được sự bình đẳng giới và phụ nữ đã có nhiều đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của đất nước. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có thành tích xóa bỏ khoảng cách giới nhanh. Vai trò và vị thế của phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội ngày càng được khẳng định. Phụ nữ Việt Nam ngày càng tiếp cận nhiều hơn với các chương trình giáo dục bậc cao. Theo điều tra của Cục thống kê, năm 2010, trong tổng số lao động có trình độ đại học trở lên, lao động nữ chiếm 43%. Mặc dù,

(*) Thạc sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.

ĐT:0912927977. Email: Anh_kieuquynh@yahoo.com.

nhân lực nữ có trình độ cao đẳng tham gia vào hoạt động kinh tế - xã hội có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây, từ 87,2% năm 2007 xuống còn 85,5% năm 2010 và khoảng 80% hiện nay, song nhân lực nữ trình độ đại học và sau đại học có xu hướng tăng, từ 88,0% năm 2007 tăng lên 88,6% năm 2010.

Nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học ở Việt Nam có sự gia tăng về số lượng, song cơ cấu chưa ổn định, không đều, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Tỷ lệ nữ nghiên cứu khoa học còn thấp hơn nhiều so với nam giới. Phần lớn nguồn nhân lực nữ trí thức được đào tạo không tham gia hoạt động kinh tế, hoặc nghiên cứu khoa học vì sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng đa phần họ lập gia đình và chăm lo con cái. Nguồn nhân lực nữ trí thức có trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học không tiếp tục học tập, nghiên cứu còn chiếm tỷ lệ cao hơn 10%. Đây là sự lãng phí lớn về nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học cho sự phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Năng lực nghiên cứu khoa học của nguồn nhân lực nữ

Theo số liệu thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, từ năm 2000 đến năm 2010, tỷ lệ nữ tham gia chủ trì các đề tài khoa học cấp nhà nước chiếm 20%. Theo thống kê của UNESCO trong chương trình “Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học”, hiện nay chỉ 25% số nhà khoa học trên thế giới là phụ nữ và ở Việt Nam là khoảng 40%. Trên thế giới chỉ có 30% sinh viên các ngành khoa học là nữ giới, 25% các nhà khoa học là nữ giới, 2,9% chủ nhân giải Nobel là nữ. Điều này cho thấy còn nhiều rào cản, trở ngại để phụ nữ tham gia hoặc theo đuổi sự nghiệp khoa học của mình. Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, nguồn nhân lực

nữ nghiên cứu khoa học đóng vai trò nhất định. Trong 3 năm gần đây (2007 - 2009) nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học đã chủ trì thành công 42 đề tài thuộc chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, 25 đề tài độc lập cấp nhà nước và 18 đề tài, dự án hợp tác quốc tế theo Nghị định thư. Theo đánh giá của GS.TSKH. Phạm Thị Trân Châu - Chủ tịch Hội nữ trí thức Việt Nam, giai đoạn 2000 - 2010, tỷ lệ phụ nữ chủ trì đề tài khoa học cấp nhà nước đạt 20% là một sự tiến bộ so với trước.

Riêng năm 2010, nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học có khoảng 23 bằng sáng chế, chiếm 18% tổng số bằng sáng chế được cấp, tăng 14% so với một thập kỷ trước và tăng 35% so với 5 năm trước; 19 nữ Anh hùng lao động và nhiều Giải thưởng Kovalépscaia. Theo thống kê của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, trên toàn quốc, năm 2007, tỷ lệ nữ có trình độ Thạc sĩ là 30%, Tiến sĩ là 17%. Đến nay, con số này đã đạt 39,7% và 21,4%. Trong 5 năm (2007 - 2012), trong tổng số giáo sư, phó giáo sư được phong tặng có 10,27% giáo sư và 25,78% phó giáo sư là nữ.

Với những nghiên cứu của mình, các nhà khoa học nữ đã đóng góp ngày càng tích cực vào sự phát triển chung của đất nước. Theo Tiến sĩ Hà Thị Thúy, Phó Viện trưởng Viện Di truyền nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), nhiều nhà khoa học nữ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã và đang làm chủ các phương pháp công nghệ sinh học hiện đại trong tạo giống và nhân nhanh giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, tăng khả năng cạnh tranh cho nông sản nước ta. Trong số các nhà khoa học nữ phải kể đến PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm - niềm tự hào của giới

khoa học nữ ngành nông nghiệp. Được ví là nhà khoa học gắn bó với cây lúa, chị đã thành công với việc lai tạo ra nhiều tổ hợp lúa lai hai dòng, trong đó có loại TH3-3 đã được chuyển nhượng cho một công ty với giá 10 tỷ đồng. Giống lúa này có nhiều ưu điểm: thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, chịu sâu bệnh tốt, chất lượng gạo ngon.

Lĩnh vực công nghệ cũng ghi nhận không ít thành tựu của các tài năng sáng tạo nữ. PGS.TS. Lương Chi Mai, Viện Công nghệ thông tin (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đã có nhiều đóng góp cho việc tạo ra các hệ thống nhận dạng có hiệu quả ngay từ những năm 1980, khi lý thuyết nhận dạng vẫn còn mới mẻ ở nước ta. Đến nay, chị đã đạt được những thành công bước đầu trong việc số hóa tiếng Việt với những đặc trưng nổi bật của ngôn ngữ có thanh điệu... PGS.TS. Phan Thị Tươi (Trường Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh) tạo dấu ấn khi là một trong những người đi tiên phong ở lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên bằng máy tính, góp phần quan trọng vào việc hình thành hướng nghiên cứu về “xử lý ngôn ngữ tự nhiên và tiếng Việt”, nâng cao chất lượng dịch tự động song ngữ Anh - Việt...

Hầu như lĩnh vực khoa học nào cũng có sự góp mặt của các gương mặt nữ và tỉ lệ phụ nữ có trình độ sau đại học đang thay đổi tích cực. Nguồn nhân lực nữ đã có nhiều công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, ứng dụng vào sản xuất và hoạt động thực tiễn đem lại lợi ích kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực.

3. Những khó khăn của phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học, song thực tế các nhà khoa học nữ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống. Để trở

thành một nhà khoa học, người phụ nữ phải cùng một lúc phải dung hòa được cuộc sống gia đình vừa phải phấn đấu trong sự nghiệp. Do điều kiện thực tế cuộc sống, nhiều cán bộ khoa học nữ phải dành nhiều thời gian cho gia đình, chăm lo con cái, không đủ thời gian để cập nhật thông tin, trau dồi kiến thức. Muốn phấn đấu trong sự nghiệp nhiều phụ nữ đã phải hi sinh một phần hạnh phúc gia đình hoặc ngược lại. Chính vì vậy, phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học còn ít, số cán bộ nữ chủ trì các đề tài khoa học công nghệ chiếm tỷ lệ thấp, 12,1%. Phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học đứng trước các khó khăn sau:

Thứ nhất là sự phân biệt nam nữ trong nghiên cứu khoa học. Sự khác biệt về giới là một yếu tố cơ bản khiến người phụ nữ nghiên cứu khoa học khó khăn hơn nam giới. Con đường từ gia đình tới nghiên cứu khoa học là con đường đầy những chông gai, không phải người phụ nữ nào cũng có thể vượt qua được. Nhất là khi Việt Nam là một nước đang phát triển, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, nên họ phải đối mặt với nhiều thách thức, định kiến về bình đẳng giới, về vai trò và năng lực nghiên cứu của phụ nữ. Trong nhân dân, kể cả trong một bộ phận cán bộ, công chức vẫn có nhiều người coi thường phụ nữ. Tư tưởng này chính là căn nguyên tác động đến việc đánh giá các ý tưởng khoa học, công trình nghiên cứu của các cán bộ nữ. Phụ nữ nghiên cứu khoa học còn gặp cản trở từ phía nam đồng nghiệp và từ chính nữ đồng nghiệp. Chính ảnh hưởng của tư tưởng coi thường phụ nữ trong xã hội đã khiến cho nhiều người thiếu sự tin tưởng ở phụ nữ, coi thường những cống hiến của người phụ nữ đối với xã hội và đặc biệt trong công tác nghiên cứu khoa học.

Thứ hai là phụ nữ thiếu thời gian tham gia nghiên cứu khoa học. Phụ nữ cũng phải đương đầu với những khó khăn để cân bằng giữa đời sống gia đình và công việc. Khác với nam giới, các cán bộ nữ phải mang thai, sinh đẻ, phải dành nhiều thời gian cho công việc nội trợ, quán xuyến gia đình, chăm sóc con cái, phụng dưỡng cha mẹ già. Đặc biệt với cán bộ nữ trẻ, khó khăn càng nhiều hơn khi có con nhỏ và công việc gia đình cũng nặng hơn so với nữ cán bộ cao tuổi. Chính vì vậy, nhiều cán bộ nữ bị quá tải về sức lực, thiếu thời gian nghỉ ngơi, trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin; gánh nặng gia đình làm giảm sút sự thăng tiến, vươn lên của họ, tạo cho họ tâm lý an phận, ít nỗ lực phấn đấu và không tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Do phải gánh vác nhiều trách nhiệm gia đình nên phụ nữ khó có thể dành nhiều thời gian cho công tác nghiên cứu khoa học. Một bất lợi nữa là tuổi về hưu, điều đó đã ảnh hưởng đến việc đào tạo, thời gian nghiên cứu cũng như phát triển tài năng của phụ nữ.

Thứ ba là phụ nữ ít được động viên, khuyến khích theo đuổi một số lĩnh vực, nhất là khoa học tự nhiên. Nhiều người chồng đã không ủng hộ vợ tham gia công tác nghiên cứu khoa học, trong khi hầu hết các bà vợ đều ủng hộ chồng mình thực hiện các ý tưởng khoa học, các công trình nghiên cứu. Vấn đề giải quyết hài hoà giữa sự nghiệp và gia đình luôn là bài toán khó đối với phụ nữ.

4. Giải pháp tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong nghiên cứu khoa học

Thứ nhất, tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo. Các quốc gia hiện nay đều coi đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư cho phát triển, đầu tư trực tiếp vào nguồn lực con người. Đối với nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học, sự tác động của giáo

dục - đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì không chỉ liên quan đến 1/2 nguồn nhân lực mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển trong tương lai của lực lượng lao động. Điều này xuất phát từ mối liên hệ giữa học vấn của phụ nữ với sự phát triển của xã hội theo tác động dây chuyền giữa trẻ em gái - người mẹ - thế hệ tương lai. Các nghiên cứu cho thấy việc học tập của phụ nữ mang lại những lợi ích đặc biệt quan trọng cho gia đình và xã hội. Việc nâng cao địa vị phụ nữ là tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững đất nước. Chính vì vậy, đầu tư cho giáo dục và đào tạo sẽ thúc đẩy sự phát triển toàn diện nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học trước mắt cũng như lâu dài.

Thứ hai, sử dụng lao động nữ hợp lý. Người lao động được sử dụng đúng ngành nghề và trình độ thì sẽ phát huy được tài năng trí tuệ, tay nghề và ra sức phấn đấu vươn lên về mọi mặt. Sử dụng lao động hợp lý sẽ tạo ra môi trường phù hợp cho người lao động phát triển nhanh chóng. Ngược lại, nếu sử dụng lao động không hợp lý sẽ làm cho người lao động bị hạn chế thậm chí thui chột khả năng lao động của mình. Sử dụng lao động nữ hợp lý không chỉ đơn thuần dựa vào kỹ năng, trình độ chuyên môn nhằm đạt hiệu quả kinh tế trước mắt mà còn phải đảm bảo được sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và sự bình đẳng giới. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, việc sử dụng lao động nữ sao cho hợp lý và hiệu quả là một trong những vấn đề rất phức tạp. Có ý kiến cho rằng, đã là nền kinh tế thị trường thì hãy để cho thị trường lao động quyết định việc lựa chọn và sử dụng các loại lao động. Nhưng trên thực tế bên cạnh chức năng là người lao động như nam giới thì phụ nữ còn đảm nhận chức năng sinh con. Khi thực hiện chức năng này người lao động nữ chẳng những phải tiêu hao sức vóc,

một phần khả năng lao động mà còn mất hàng thập kỷ về thời gian lao động, hơn thế nữa lại là thời gian vàng ngọc, trẻ khỏe, sung sức nhất.

Thứ ba, chính sách xã hội phải phản ánh được lợi ích và nguyện vọng của phụ nữ.

Chính sách xã hội là công cụ quan trọng của quản lý nhà nước nhằm thực hiện và điều chỉnh các mối quan hệ của con người xoay quanh mối quan hệ lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc của con người là động lực to lớn khơi dậy tiềm năng của con người, tạo điều kiện thuận lợi để con người lao động phát huy năng lực sáng tạo của mình đóng góp cho sự phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội. Ngược lại, nếu hệ thống chính sách không phù hợp, thiếu đồng bộ thì nó sẽ trở thành rào cản kìm hãm năng lực và tư duy sáng tạo của mỗi con người. Như vậy, trong đời sống xã hội, việc tạo động lực cho nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học thực chất là thiết lập được môi trường pháp lý thuận lợi cũng như những điều kiện thích hợp để họ có thể phát huy tối đa tính tích cực và khả năng sáng tạo của mình. Phụ nữ thường chịu những thiệt thòi hơn so với nam giới. Vì vậy, chính sách xã hội đối với phụ nữ phải phản ánh được lợi ích và nguyện vọng của nữ giới. Do cấu tạo cơ thể của phụ nữ khác với nam giới và do đặc điểm sinh lý của phụ nữ cũng khác nam giới, nên nhìn chung sức khỏe của phụ nữ thường yếu hơn so với nam giới. Phụ nữ có thiên chức sinh con duy trì sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Chức năng sinh học đó được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ và chịu sự tác động của nhiều yếu tố như gia đình, môi trường kinh tế, môi trường giáo dục, môi trường cộng đồng. Nếu không quan tâm đúng mức đến các yếu tố tự nhiên -

sinh học của phụ nữ, chúng ta sẽ không chỉ mất mát hiện tại về năng suất, hiệu quả lao động, mà còn tác động tiêu cực đến việc phát triển trí lực của phụ nữ, tác động tiêu cực về mặt giống nòi và phát triển bền vững đất nước. Vì thế cần thấy được những đặc điểm riêng về mặt tự nhiên - sinh học của phụ nữ để có những giải pháp và chính sách xã hội hợp lý phát triển nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học.

Thứ tư, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc là nhân tố quan trọng, là môi trường lành mạnh để hình thành và phát triển nguồn lực con người. Truyền thống tốt, những tập quán lành mạnh là cơ sở điều kiện tốt để xây dựng một nguồn nhân lực vừa có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, vừa có thái độ, tinh thần, tác phong làm việc tốt. Những truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động và những phẩm chất trung hậu, đảm đang, kiên cường của phụ nữ Việt Nam chính là sức mạnh, là điểm tựa tinh thần để phụ nữ vươn lên đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay. Để phát triển nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học thì không những cần phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc đề cao vai trò của phụ nữ, quan tâm đến sự phát triển của phụ nữ, mà còn phải loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, lối tư duy theo kiểu “trọng nam, khinh nữ”.

Thứ năm, bản thân người phụ nữ phải có sự cố gắng, niềm đam mê và nghị lực. Bản thân người phụ nữ phải tự tin, cố gắng, có đam mê và nghị lực. Để cân bằng giữa công việc và gia đình, đối với người phụ nữ không đơn giản là một nghệ thuật sống, mà phải xuất phát từ tấm lòng và niềm đam mê công việc thì mới có thể thành công khi tham gia công tác nghiên cứu khoa học.

Trước hết, người phụ nữ phải hoàn thành thiên chức của người con, người vợ và người mẹ. Đối với bất cứ người phụ nữ nào, được chăm sóc gia đình là hạnh phúc không gì thay thế, được tự tay nấu ăn cho chồng con, chăm sóc và dạy con học tập... Đồng thời, gia đình hạnh phúc, con cái ngoan ngoãn, học giỏi sẽ là cơ sở vững chắc để người phụ nữ có thể yên tâm công tác và tham gia nghiên cứu khoa học. Phụ nữ phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao kiến thức, trí tuệ. Điều đó sẽ làm cho phụ nữ tự tin lên rất nhiều. Phụ nữ phải có ước mơ và quyết tâm thực hiện bằng được, phải tự khẳng định mình qua công việc và cuộc sống, cần xác định rõ những điểm mạnh và điểm yếu của bản thân, từ đó lựa chọn con đường đi cho phù hợp, phát huy được sở trường và hạn chế những nhược điểm. Đặc biệt là phụ nữ phải có niềm đam mê trong công việc, luôn khát khao sáng tạo, đổi mới và phải có đủ nghị lực để vượt qua những khó khăn, vất vả trong cuộc sống gia đình và công việc. Bên cạnh đó, việc đấu tranh tạo cơ hội học tập, làm việc và thăng tiến cho phụ nữ bình đẳng với nam giới là rất cần thiết hiện nay. Không thể có người phụ nữ nào đạt đến vị trí đỉnh cao của quản lý, khoa học khi mà họ phải mất nhiều năm để sinh con và chăm sóc con nhỏ, không kể công việc gia đình luôn khiến họ bị phân tâm; các cơ hội học tập và làm việc bị hạn chế hơn nhiều so với nam giới. Khi tham gia nghiên cứu khoa học cần cố gắng theo đuổi mục tiêu đến cùng. Do việc cơ quan, việc gia đình bận rộn nên họ cần biết cách sắp xếp thời gian, công việc một cách hợp lý, khoa học. Khi cảm thấy thoải mái vì gia đình ổn thỏa thì mọi việc sẽ trôi chảy và có nhiều niềm vui trong công việc. Tất cả phụ nữ đều có thể tham gia nghiên cứu khoa học, nhưng bất cứ ai, dù

làm việc gì cũng cần ứng dụng các phương pháp làm việc khoa học, các kiến thức khoa học và công nghệ để phục vụ tốt hơn công việc và cuộc sống của mình.

Thứ sáu, gia đình, đồng nghiệp và xã hội phải tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Việc thúc đẩy phát triển các tổ chức, dịch vụ phục vụ đời sống gia đình cũng có ý nghĩa quan trọng đối với sự bình đẳng giới. Sự xuất hiện và phát triển của hệ thống nhà trẻ, siêu thị, dụng cụ gia đình hiện đại... đã làm nhẹ bớt công việc nội trợ và giảm bớt thời gian nội trợ cho người phụ nữ. Từ đó, phụ nữ sẽ có nhiều thời gian hơn để tham gia các công tác xã hội và nghiên cứu khoa học. Một yếu tố quan trọng nữa là sự ủng hộ từ: gia đình, cơ quan, cộng đồng. Đây là hậu phương, tiền đề vững chắc chắn chắn cho phụ nữ thành công trong công tác nghiên cứu khoa học.

Thứ bảy, giải quyết tốt mối quan hệ nội bộ gia đình. Phụ nữ không thể chuyên tâm công việc nghiên cứu khoa học như nam giới mà quên hết công việc gia đình cũng như thiên chức làm mẹ của người phụ nữ. Tuy nhiên, nếu không có động lực quan trọng từ phía gia đình thì họ không thể hoàn thành được công việc. Trên thực tế nhiều khi chị em bị cuốn hút vào công việc những lúc như vậy, phụ nữ cần dành thời gian trò chuyện, chia sẻ với chồng và làm bạn với con. Thời gian bên gia đình sẽ tạo thêm động lực, bổ sung sức mạnh cho người phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học. Khi cảm thấy thoải mái vì gia đình ổn thỏa thì mọi việc sẽ trôi chảy và có nhiều niềm vui trong công việc.

Thứ tám, tạo sự bình đẳng giới trong nghiên cứu khoa học. Đảng và Nhà nước cần có những chính sách cụ thể để mang lại quyền hạn và cơ hội bình đẳng cho phụ nữ và nam giới. Chẳng hạn không phân biệt

giới khi xác định tuổi nghỉ hưu. Đối với những người làm công tác nghiên cứu khoa học, không phân biệt giới khi tuyển dụng, tăng tỷ lệ nữ khi cử đi các lớp đào tạo, bồi dưỡng; có chế độ chính sách riêng đối với nữ, khuyến khích cán bộ nữ nâng cao trình độ khoa học; khen thưởng khích lệ đối với những cán bộ nữ có những đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ tốt cho thực tiễn sản xuất; có cơ chế đặc thù khuyến khích, động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học...

5. Kết luận

Việc phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn coi phụ nữ là động lực quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau nên phụ nữ Việt Nam tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Để phát huy vai trò của phụ nữ tham gia công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, đặc biệt là công tác nghiên cứu khoa học, chúng ta cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho phụ nữ trong các hoạt động xã hội nói chung và hoạt động khoa học nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chương trình Khoa học - Công nghệ cấp Nhà nước KX05 (2003), *Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Giáng Hương (2013), “Phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở nước ta và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Cộng sản* số 74.
- [4] Dương Thị Minh (2004), *Gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ trong gia đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Minh Phước (2012), “Phát triển nguồn nhân lực: kinh nghiệm ở một số nước trên thế giới”, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 7/10/2012.
- [6] Nguyễn Văn Sơn (2002), *Trí thức giáo dục đại học Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Phạm Minh Thảo, *Dự báo xu thế phụ nữ thế kỷ XXI*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [9] Lê Thi (2004), “Nghiên cứu về người phụ nữ, về vấn đề giới và sự tham gia của các khoa học xã hội nhân văn Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 5/14, tr.52 - 58.
- [10] Trần Văn Tùng - Lê Ái Lâm (1996), *Phát triển nguồn nhân lực - Kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Trần Văn Tùng (2005), *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [12] Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2010), *Kinh nghiệm một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] <http://www.baomoi.com/Tiep-suc-phu-nu-trong-nghien-cuu-khoa-hoc/c/8023431.epi>.
- [14] <https://luatminhkhue.vn/kien-thuc-luat-hon-nhan/phu-nu-tham-gia-nghien-cuu-khoa-hoc-kho-khan-tu-nhieu-phia.aspx>.
- [15] <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/PrintStory.aspx?distribution=8524&print=true>.

